

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 162/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 10 - 2021.

V/v ly hôn giữa chị Á và anh K

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Chạc;

2. Bà Dương Thị Vui;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Trình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2021/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 41/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Á, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ Dân Phố 8, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ Dân Phố 8, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt anh K, vắng mặt chị Á.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Á vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng trong đơn khởi kiện, bản tự khai chị Trần Thị Á trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn K kết hôn vào ngày 10/6/2000 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối ép buộc. Sau khi

kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh K ham mê cờ bạc không quan tâm đến vợ con, mặc dù chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh K không thay đổi dẫn tới vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Nay chị Á xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không tồn tại nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn K. Về con chung chị Trần Thị Á xác định chị và anh Nguyễn Văn K có 05 (năm) con chung là cháu Nguyễn Thị Th, sinh ngày 08/7/2000, cháu Nguyễn Thị Thu Qu, sinh ngày 27/03/2004, cháu Nguyễn Mai A, sinh ngày 04/11/2010, cháu Nguyễn Kim A, sinh ngày 11/4/2012 và cháu Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 28/3/2016. Hiện cháu Th đã trưởng thành nên chị Á không yêu cầu giải quyết. Tại đơn xin ly hôn chị Á đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Qu, cháu Mai A, cháu Kim A và cháu N và yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con một tháng là 500.000 đồng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các con trưởng thành. Tuy nhiên sau đó chị Á thay đổi yêu cầu nay chị xin được nuôi cháu Qu và cháu N và để anh K nuôi cháu Mai A và cháu Kim A. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào. Về tài sản chung chị Á không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh kết hôn với chị Á vào tháng 6/2000 trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh bị bệnh chị Á không quan tâm đến anh thường xuyên đi làm ăn xa từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Trong quá trình vợ chồng xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình cũng đã khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Nay chị Á xin ly hôn anh K có quan điểm anh không nhất trí ly hôn vì anh muốn con cái có bố, có mẹ. Về con chung anh K xác định giữa anh và chị Á có 05 (năm) con chung là cháu Nguyễn Thị Th, sinh ngày 08/7/2000, cháu Nguyễn Thị Thu Qu, sinh ngày 27/03/2004, cháu Nguyễn Mai A, sinh ngày 04/11/2010, cháu Nguyễn Kim A, sinh ngày 11/4/2012 và cháu Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 28/3/2016 (Hiện cháu Mai A và cháu Kim A đang do anh chăm sóc nuôi dưỡng). Ly hôn chị Á xin trực tiếp nuôi cháu Qu và cháu Bảo N còn anh K trực tiếp nuôi cháu Mai A và cháu Kim A, còn cháu Th đã trưởng thành nên chị Á không yêu cầu giải quyết. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào. Anh cũng nhất trí vì anh vẫn nuôi cháu Kim A và Mai A ăn học. Về tài sản chung anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, xử lý hôn giữa chị Trần Thị Á và anh Nguyễn Văn K. Về con chung giao cháu Nguyễn Thị Thu Qu, sinh ngày 27/03/2004 và cháu Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 28/3/2016 cho chị Trần Thị Á trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Mai A, sinh ngày 04/11/2010, cháu Nguyễn Kim A, sinh ngày 11/4/2012 cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội đề nghị tuyên án phí đối với chị Á theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Á và anh Nguyễn Văn K đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định. Chị Trần Thị Á có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn K và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa chị Á có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Á là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị Á và anh Nguyễn Văn K vào tháng 6/2000 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N là hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống không ai quan tâm đến ai, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay. Nay chị Á xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn. Anh K không nhất trí ly hôn vì các con còn nhỏ anh không muốn các con sống thiếu bố thiếu mẹ. Quan điểm Viện kiểm sát đề nghị giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy: Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Á và anh Nguyễn Văn K ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên khuyên giải nhưng vẫn không đạt kết quả. Mặt khác Toà án đã tạo điều kiện hoà giải để hai bên về đoàn tụ nhưng anh K vẫn vắng mặt tại

buổi hoà giải và anh K chị Á sống ly thân mỗi người ở một nơi từ tháng 02/2020 cho đến nay không ai quan tâm đến ai do vậy khả năng đoàn tụ không còn, nay chị Á xin ly hôn anh K xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét việc anh K không nhất trí ly hôn vì anh không muốn các con sống thiếu bố thiếu mẹ thấy khả năng đoàn tụ vợ chồng giữa anh K với chị Á không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Á và anh Nguyễn Văn K thống nhất xác định vợ chồng có 05 (năm) con chung là cháu Nguyễn Thị Th, sinh ngày 08/7/2000, cháu Nguyễn Thị Thu Qu, sinh ngày 27/3/2004, cháu Nguyễn Mai A, sinh ngày 04/11/2010, cháu Nguyễn Kim A, sinh ngày 11/4/2012 và cháu Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 28/3/2016. Hiện cháu Th đã trưởng thành nên chị Á không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Các cháu Qu, Bảo N đang ở với chị Á còn các cháu Mai A và Kim A đang do anh K nuôi dưỡng. Ly hôn chị Á có quan điểm chị xin được nuôi cháu Qu và cháu N và để anh K nuôi cháu Mai A và cháu Kim A. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào. Tại phiên toà hôm nay anh K có quan điểm nếu vợ chồng phải ly hôn anh nhất trí để chị Á trực tiếp nuôi cháu Qu và cháu Bảo N còn anh trực tiếp nuôi cháu Mai A và cháu Kim A, không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án các cháu Nguyễn Mai A, sinh ngày 04/11/2010, cháu Nguyễn Kim A, sinh ngày 11/4/2012 có nguyện vọng xin được ở với bố, cháu Nguyễn Thị Thu Qu có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Xét thấy nguyện vọng của các cháu phù hợp với khả năng và điều kiện nuôi dưỡng của cả anh K và chị Á, riêng cháu Bảo N còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ do đó cần chấp nhận nguyện vọng về việc nuôi con chung của chị Á và anh K. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Á, anh Nguyễn Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Á phải nộp án phí dân dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

[1] Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Á và anh Nguyễn Văn K.

[2] Về con chung: Xử giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Thị Thu Qu, sinh ngày 27/3/2004 và cháu Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 28/3/2016 cho chị Trần Thị Á trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Xử giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Mai A, sinh ngày 04/11/2010 và cháu Nguyễn Kim A, sinh ngày 11/4/2012 cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. (Hiện các cháu Qu và Bảo N đang ở với chị Á còn các cháu Mai A và Kim A đang do anh K nuôi dưỡng). Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Á phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Á đã nộp theo biên lai số AA/2019/0004206 ngày 05/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị Á đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh Nguyễn Văn K; vắng mặt chị Trần Thị Á. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương